

Số: 81/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Mạc Văn P**, sinh ngày 18/02/1989;

Địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường P, tỉnh Bắc Ninh.**

- Bị đơn: Chị **Hà Thị L**, sinh ngày 29/4/1989;

Địa chỉ: **Thôn Q, xã T, tỉnh Thái Nguyên.**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Mạc Văn P** và chị **Hà Thị L**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Mạc Văn P** và chị **Hà Thị L** nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh **Mạc Văn P** và chị **Hà Thị L** có 03 con chung gồm: Cháu **Mạc Kim N**, sinh ngày 07/9/2014; cháu **Mạc Thị Cẩm N1**, sinh ngày 30/01/2018; cháu **Mạc Thành Đ**, sinh ngày 22/02/2020.

Sau khi ly hôn, anh **Mạc Văn P** có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu **Mạc Thị Cẩm N1** và **Mạc Thành Đ** kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung **Mạc Thị Cẩm N1** và **Mạc Thành Đ** đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị **Hà Thị L** có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là cháu **Mạc Kim N** kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung **Mạc Kim N** đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Anh **Mạc Văn P** và chị **Hà Thị L** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. *Về tài sản chung và vay nợ chung:* Anh **Mạc Văn P** và chị **Hà Thị L** không có tài sản chung và vay nợ chung.

2.4. *Về án phí:* Anh **Mạc Văn P** tự nguyện chịu 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh **P** đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002731 ngày 22/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Hoàn trả anh **Mạc Văn P** số tiền 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 6 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Kỳ, tỉnh Thái Nguyên (ĐKKH số 19/2013, quyển số 01 ngày 20/9/2013 của UBND xã Cao Kỳ);
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Vi Hồng Lễ

